

Bản án số: 1373/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-06-2026
V/v: “*Tranh chấp Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Khánh Hưng
2. Bà Trần Thị Mai Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thục Đoan - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2025/HNST ngày 03 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 788/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 762/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu Hà - sinh năm: 1981; Địa chỉ: Nhà không số (36/40/15), Tổ 46, Khu phố 3, phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh Tuấn - sinh năm: 1980; Địa chỉ: Số 458/10, đường Quang Trung, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Hà có đơn vắng mặt; ông Tuấn vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/08/2025 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thu Hà trình bày:

Bà Trương Thị Thu Hà và ông Nguyễn Anh Tuấn đăng ký kết hôn ngày 01/10/2004 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 211/2004 tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận Gò Vấp (nay là phường Gò Vấp), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng

Minh Vũ, sinh ngày 22/03/2005 (đã trưởng thành); Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, không thể hòa hợp được. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, nhưng rồi mọi việc cũng không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, vợ chồng không còn quan tâm, giúp đỡ nhau, đối xử lạnh nhạt với nhau, tình cảm vợ chồng đã hết. Nay, bà Hà thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hà khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: được ly hôn với ông Nguyễn Anh Tuấn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Vũ, sinh ngày 22/03/2005 (đã trưởng thành); Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008.

Sau khi ly hôn, bà Hà yêu cầu giao 01 con chung Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008 cho ông Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Hà có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Tuấn; bà Hà yêu cầu giao con chung cho ông Tuấn nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Anh Tuấn để tham gia các buổi hòa giải và xét xử nhưng ông Tuấn đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này; thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu Hà được ly hôn với ông Nguyễn Anh Tuấn.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Anh Tuấn nuôi 01 con chung Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008. Bà Trương Thị Thu Hà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Thu Hà đối với ông Nguyễn Anh Tuấn là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường Gò Vấp ngày 04/12/2025, xác nhận: “*Đương sự Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày; 14/09/1980, số định danh cá nhân: 079080017383 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số 458/10, đường Quang Trung, phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế đang cư trú tại địa chỉ trên*”. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Anh Tuấn là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tuấn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn số 211/2004 ngày 01/10/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Gò Vấp (nay là phường Gò Vấp), Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà Trương Thị Thu Hà và ông Nguyễn Anh Tuấn là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Theo trình bày của bà Hà thì bà xác định tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Tuấn không thể hàn gắn, bà Hà không mong muốn được đoàn tụ cùng ông Tuấn để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông Tuấn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu ly hôn của bà Hà. Điều này cho thấy ông Tuấn đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Hà. Mặt khác, từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến khi Tòa án xét xử vụ án thì giữa bà Hà và ông Tuấn đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Như vậy, bà Hà và ông Tuấn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa bà Hà và ông Tuấn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Hà là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung

Căn cứ vào Giấy khai sinh số: 94, quyền số 01/2005, ngày 07/04/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng; Giấy khai sinh số: 62, quyền số 01/2009, ngày 03/02/2009 tại Ủy ban nhân dân phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Xác định bà Hà và ông Tuấn có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Vũ, sinh ngày 22/03/2005 (đã trưởng thành); Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008.

Khi ly hôn, bà Hà yêu cầu giao 01 con chung Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008 cho ông Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.2.1] Xét nguyện vọng của các cháu

Cháu Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008 có bản khai tại Tòa với nội dung: “...thích ở với ba...”.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Hoàng Minh Trí mong muốn được ở với ba. Độ tuổi của cháu Minh Trí đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý tuổi dậy thì (18 tuổi) nên cần có người thường xuyên bên cạnh chia sẻ, chăm sóc.

Theo Bản tự khai ngày 02/04/2026, bà Hà cũng có khai “...tôi tôn trọng ý kiến của con nên tôi đồng ý giao con cho chồng nuôi”.

Xét một cách toàn diện về mọi mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nguyễn Hoàng Minh Trí có nguyện vọng sinh sống cùng với ông Tuấn và cháu hiện đang sinh sống cùng ông Tuấn; cháu đã có sự ổn định, gắn bó, thân quen trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày với bố từ khi còn bé. Hơn nữa cháu Minh Trí cũng đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý tuổi dậy thì, thay đổi tâm sinh lý nên cũng rất cần quan tâm, chăm sóc, chỉ dẫn của người bố; ông Tuấn cũng đảm bảo các điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, tinh thần cho cháu sau khi cha mẹ ly hôn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hà, giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Trí cho ông Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà không cấp dưỡng nuôi con chung, còn ông Tuấn vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung của bà Hà sau khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Hà cho đến khi ông Tuấn có yêu cầu.

Bà Trương Thị Thu Hà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4]. Về tài sản chung: Bà Hà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông Tuấn vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về tài sản chung giữa ông và bà Hà. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.5]. Về nợ chung: Bà Hà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông Tuấn vắng mặt không thể hiện ý kiến của ông về nợ chung giữa ông và bà Hà. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo trình bày của bà Hà, Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[3.6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Trương Thị Thu Hà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu Hà đối với ông Nguyễn Anh Tuấn về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu Hà được ly hôn với ông Nguyễn Anh Tuấn.

Giấy đăng ký kết hôn số 211/2004 ngày 01/10/2004 tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận Gò Vấp (nay là phường Gò Vấp), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: giao cho ông Nguyễn Anh Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Minh Trí, sinh ngày 19/12/2008. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trương Thị Thu Hà cho đến khi ông Nguyễn Anh Tuấn có yêu cầu.

Bà Trương Thị Thu Hà có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thu Hà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

1.4. Nợ chung: Bà Trương Thị Thu Hà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Thu Hà phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*), căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) đồng bà Hà đã nộp theo biên lai thu số: 0022533 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hà đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng